UBND TỈNH KHÁNH HÒA
BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 245 /KH-BQLNN

Khánh Hòa, ngày 24 tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH
Phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022

Triển khai thực hiện Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ nhiệm vụ chuyên môn được giao, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022 với những nội dung cụ thể sau đây:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Kế hoạch số 13784/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động của cơ quan nhà nước tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 3717/KH-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Kế hoạch Phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022;

- Công văn số 1182/STTTT-CNTTBCVT ngày 10/5/2022 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng tỉnh Khánh Hòa năm 2022.

- Kế hoạch số 243/KH-BQLNN ngày 24/5/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Chuyển đổi giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 244/KH-BQLNN ngày 24/5/2022 của Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và phát triển chính quyền số giai đoạn 2022 – 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

a) Triển khai ứng dụng các văn bản pháp luật để tạo cơ sở pháp lý cho việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), phát triển Chính quyền số.

b) Đầu tư, nâng cấp, trang bị mới hệ thống công nghệ thông tin để đảm bảo việc kết nối, khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh và tổ chức sử dụng có hiệu quả.

c) Hoàn thiện hệ thống thông tin (HTTT) phục vụ cho việc quản lý chuyên ngành, lĩnh vực của cơ quan, bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và đáp ứng yêu cầu Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

d) 100% văn bản trao đổi giữa cơ với các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử; 100% hồ sơ công việc tại cơ quan được xử lý trên môi trường mạng *(trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước)*.

đ) Thực hiện việc báo cáo định kỳ, báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh qua Hệ thống báo cáo của tỉnh và kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

e) Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin của cơ quan được đào tạo nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ thực tế. Cán bộ, viên chức được tập huấn, cập nhật kỹ năng ứng dụng CNTT, kỹ năng số.

f) 70% các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh được tổ chức lựa chọn nhà thầu qua mạng.

2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Trang thông tin điện tử của cơ quan đăng tải thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ về việc

cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

b) Khuyến khích người dân và các doanh nghiệp tham gia, sử dụng HTTT chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử trên các HTTT của tỉnh.

c) Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ số mới trong công tác quản lý, điều hành công việc và xây dựng các quy trình xử lý công việc chuyên môn đáp ứng nhu cầu chuyển đổi trong cơ quan và chuyển đổi số chung của tỉnh.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin (ATTT) tại cơ quan, tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất ATTT mạng.

b) Từng bước nâng cao tính hệ thống, đồng bộ và chuẩn hóa công tác giám sát ATTT mạng.

c) Phối hợp, tham gia, đảm bảo liên kết chặt chẽ với mạng lưới hệ thống giám sát ATTT mạng của tỉnh để đạt được hiệu quả trong công tác giám sát, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

d) Cử cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tham gia các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng để nâng cao kỹ năng chuyên môn và năng lực tham mưu công tác an toàn, an ninh thông tin; tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản đảm bảo ATTT cho người đứng đầu cơ quan, cán bộ viên chức của Ban.

4. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

a) Đầu tư năng lực hạ tầng kỹ thuật cho cơ quan để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu triển khai xây dựng Chính quyền số.

b) Xây dựng phương án nâng cấp phần mềm, thiết bị phần cứng từng bước chuyển đổi từ Ipv4 sang Ipv6 cho phù hợp với lộ trình chuyển đổi Ipv6 của tỉnh.

c) Kết nối vào Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh.

III. NHIỆM VỤ

1. Phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Quán triệt, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách của Trung ương và địa phương về triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số, phối hợp với các cơ quan chủ trì hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số, từng bước phát triển Chính quyền số của tỉnh.

b) Đầu tư phần mềm ngăn ngừa mã độc và hệ thống ngăn chặn tấn công có chủ đích cho hệ thống dùng chung của cơ quan; Trang bị hệ thống thiết bị dự phòng, thiết bị tường lửa.

c) Đầu tư mới và bổ sung, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin cho hệ thống thông tin nhằm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật.

d) Triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng ban hành tại Quyết định số 4029/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 của UBND tỉnh.

đ) Đảm bảo các thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống thông tin đầu tư mới có kết nối Internet bắt buộc phải hỗ trợ kết nối IPv6.

e) Khai thác, sử dụng hiệu quả ứng dụng chữ ký số đã được tích hợp trong các phần mềm dùng chung mà cơ quan đang sử dụng.

2. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

2.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan

a) Duy trì, nâng cấp và hoàn thiện các phần mềm chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn do Ban đầu tư xây dựng.

b) Tăng cường sử dụng, trao đổi và ứng dụng chứng thư số, chữ ký số trong hệ thống quản lý văn bản điện tử Eoffice.

c) 100% viên chức và người lao động sử dụng hệ thống Email công vụ của tỉnh Khánh Hòa *(@khanhhoa.gov.vn)* và các hệ thống công vụ khác do các cơ quan Trung ương triển khai tại địa phương; không sử dụng các hệ thống công cộng trong hoạt động trao đổi, xử lý công việc và tiếp nhận thông tin giữa Ban với các cơ quan liên quan.

d) Nghiên cứu, đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ số mới, sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý, điều hành và kiểm soát các quy trình cung cấp

dịch vụ, quản trị hệ thống, tích hợp ISO điện tử.

đ) Đảm bảo thông tin được cập nhật đầy đủ, truyền tải thường xuyên trên Trang thông tin điện tử của Ban.

2.2. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

a) Kiểm tra, đánh giá việc cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của cơ quan; đề xuất và triển khai hiệu quả các hoạt động nâng cấp chức năng, trang bị các giải pháp ATTT cho trang thông tin điện tử, bảo đảm kênh cung cấp, trao đổi thông tin giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp được duy trì ổn định, liên tục và thông suốt.

b) Triển khai có hiệu quả Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về lĩnh vực do Ban quản lý; tiếp tục duy trì các kênh thông tin tiếp nhận ý kiến người dân, doanh nghiệp trong hoạt động và các tiện ích khác.

3. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm ATTT mạng trong hoạt động của cơ quan.

b) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch triển khai thi hành Luật An toàn thông tin mạng, Kế hoạch ứng phó sự cố, bảo đảm an toàn thông tin mạng hàng năm, Kế hoạch triển khai Đề án giám sát an toàn thông tin mạng đối với hệ thống, dịch vụ CNTT phục vụ chính quyền điện tử tỉnh theo lộ trình.

c) Rà soát, nâng cấp hệ thống mạng, quản lý hạ tầng kỹ thuật tại cơ quan. Triển khai các biện pháp phòng, chống mã độc, bảo vệ máy trạm, thiết bị đầu cuối liên quan tại cơ quan; các giải pháp dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

d) Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, cập nhật cấp độ an toàn cho hệ thống thông tin của Ban và triển khai phương án bảo đảm an toàn theo cấp độ.

đ) Cử cán bộ tham gia Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia các khóa đào tạo, huấn luyện diễn tập nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ.

e) Triển khai kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động nội bộ; thực hiện quản lý chặt chẽ việc sử

dụng các thiết bị, phương tiện kỹ thuật số có tính năng lưu trữ, trao đổi thông tin để phòng ngừa lộ, lọt thông tin qua mạng; kiểm tra ATTT các thiết bị, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng và các công cụ khác trước khi đưa vào sử dụng.

f) Phổ biến kiến thức và hướng dẫn các kỹ năng cơ bản về bảo đảm ATTT trong hoạt động công vụ cho cán bộ, viên chức; nâng cao nhận thức, trách nhiệm cán bộ, viên chức về việc tự bảo vệ thông tin, dữ liệu trên môi trường số, tuân thủ các quy tắc về sử dụng dịch vụ số.

g) Tổ chức kiểm tra, đánh giá định kỳ tình hình hoạt động của hệ thống giám sát ATTT mạng đối với HTTT và việc kết nối, phối hợp, trao đổi thông tin, dữ liệu giám sát, cảnh báo sự cố an toàn thông tin mạng với Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng của tỉnh và Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng quốc gia.

h) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các lực lượng Công an, Quân đội, cơ yếu để sẵn sàng, chủ động phòng ngừa và xử lý các tình huống phát sinh trong lĩnh vực ATTT. Bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trọng yếu.

4. Phát triển nguồn nhân lực

a) Cử cán bộ, viên chức phụ trách CNTT và Lãnh đạo cơ quan tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức về chuyển đổi số; tập huấn về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

b) Tạo điều kiện về thời gian hoặc xem xét, cán bộ cử viên chức trong cơ quan tham gia học tập các chương trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT phù hợp với vị trí việc làm.

c) Đẩy mạnh, đổi mới công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của viên chức và người lao động trong chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số.

IV. GIẢI PHÁP

a) Cập nhập kịp thời cơ chế, chính sách của tỉnh về ưu tiên đầu tư, thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả tại cơ quan và phát triển Chính quyền số của tỉnh.

b) Phát huy hiệu quả hoạt động đánh giá, xếp hạng mức độ ứng dụng

CNTT hàng năm của cơ quan. Rà soát, đánh giá những điểm đã đạt được, những điểm còn hạn chế và đề xuất giải pháp cụ thể để cải thiện xếp hạng.

c) Thực hiện chuẩn hóa quy trình; cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 phục vụ công tác cải cách hành chính của cơ quan.

d) Tăng cường kiểm tra, rà soát ứng dụng CNTT, đánh giá hiệu quả triển khai, áp dụng các sáng kiến, giải pháp ứng dụng đảm bảo hỗ trợ đắc lực cho cải cách hành chính.

đ) Ưu tiên đầu tư mua sắm sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng của doanh nghiệp trong nước đáp ứng yêu cầu về an toàn, an ninh mạng theo quy định của pháp luật cho các HTTT phục vụ chính quyền điện tử của tỉnh.

e) Nghiên cứu, đề xuất các ứng dụng công nghệ số vào công tác quản lý chuyên môn; các ứng dụng CNTT triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số tại cơ quan như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...

f) Tích cực tuyên truyền quảng bá Trung tâm Dịch vụ hành chính công trực tuyến, lợi ích và cách thức nộp hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đăng ký nộp hồ sơ, nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài tỉnh, trên mạng xã hội Facebook, Zalo...

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên về tài chính. Do vậy, kinh phí thực hiện được trích từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Tài chính-Tổng hợp: Theo dõi đôn đốc các Phòng nghiệp vụ triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì phối hợp các Phòng nghiệp vụ rà soát, bổ sung, cập nhật các nội dung được cung cấp trên Trang thông tin điện tử…

- Các phòng nghiệp vụ: Chủ động phối hợp với phòng Tài chính – Tổng hợp thực hiện các nội dung và đảm bảo thời gian theo kế hoạch đề ra. Cụ thể hóa nội dung, kế hoạch vào phần việc thuộc phòng mình quản lý.

2. Ban biên tập Trang thông tin điện tử: Thường xuyên theo dõi, đăng tải,

cập nhật đầy đủ các thông tin trên Trang thông tin điện tử.

3. Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Trưởng các phòng: Tài chính-Tổng hợp, Quản lý dự án, Giải phóng mặt bằng và toàn thể cán bộ, viên chức quán triệt, thực hiện có chất lượng, hiệu quả nội dung Kế hoạch này./.

Nơi nhận:
- Sở Thông tin và Truyền thông; *(VBĐT)*
- Phòng TCTH, QLDA, GPMB;
- Trang TTĐT;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

Quách Thanh Sơn